

Ngày kiểm tra:

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)  
(Đề kiểm tra có 02 trang)

Mã đề 101

Họ và tên: .....

Lớp:

SBD.....

**ĐỀ BÀI**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)**

**Câu 1.** Phát biểu nào sau **không** đúng về vai trò của cây công nghiệp?

- A. Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.    B. Là các mặt hàng xuất khẩu quan trọng.  
C. Cung cấp lương thực cho con người.    D. Góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên đất.

**Câu 2.** Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là

- A. Cây trồng và vật nuôi.    B. Cây trồng và hàng tiêu dùng.  
C. Máy móc và cây trồng.    D. Hàng tiêu dùng và vật nuôi.

**Câu 3.** Những nguồn lực nào sau đây đóng vai trò là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất?

- A. Dân số, nước, sinh vật.    B. Sinh vật, đất, khí hậu.  
C. Đất, khí hậu, dân số.    D. Khí hậu, thị trường, vốn.

**Câu 4.** Về cơ bản, sản xuất nông nghiệp không thể diễn ra khi **không** có?

- A. nguồn nước.    B. sinh vật.    C. đất đai.    D. địa hình.

**Câu 5.** Loại vật nuôi nào sau đây thuộc gia súc lớn?

- A. Dê.    B. Lợn.    C. Cừu.    D. Trâu.

**Câu 6.** Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của một quốc gia **không** bao gồm

- A. điểm sản xuất.    B. ngành sản xuất.    C. khu chế xuất.    D. vùng kinh tế.

**Câu 7.** Vai trò nào dưới đây **không** phải là của ngành trồng trọt?

- A. Là nguyên liệu cho công nghiệp.    B. Cung cấp sức kéo và phân bón.  
C. Là cơ sở để phát triển chăn nuôi.    D. Đảm bảo lương thực cho con người.

**Câu 8.** Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là

- A. nguồn lực bên ngoài.    B. nguồn lực kinh tế - xã hội.  
C. nguồn lực bên trong.    D. nguồn lực tự nhiên.

**Câu 9.** Cơ cấu lãnh thổ có thể chia theo

- A. nông - lâm - ngư nghiệp, toàn cầu.    B. kinh tế toàn cầu, dịch vụ.  
C. vùng kinh tế, khu kinh tế.    D. công nghiệp - xây dựng, quốc gia.

**Câu 10.** Nguồn lực kinh tế - xã hội quan trọng nhất có tính quyết định đến sự phát triển kinh tế của một đất nước là

- A. công nghệ.    B. con người.    C. nguồn vốn.    D. thị trường.

**Câu 11.** Thành phần nào sau đây **không** được xếp vào cơ cấu ngành kinh tế của một quốc gia?

- A. Trồng trọt.    B. Hộ gia đình.    C. Chăn nuôi.    D. Khai khoáng.

**Câu 12.** Nguồn lực nào sau đây thuộc vào nguồn lực vật chất?

- A. Văn hoá.    B. Chính sách.    C. Kinh nghiệm.    D. Tài nguyên.

**Câu 13.** Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ, có thể phân chia thành nguồn lực

- A. ngoại lực, dân số.    B. nội lực, lao động.  
C. dân số, lao động.    D. nội lực, ngoại lực.

**Câu 14.** Nhân tố ảnh hưởng làm cho sản xuất nông nghiệp có tính bấp bênh là

- A. khí hậu.    B. đất đai.    C. sinh vật.    D. nguồn nước.

**Câu 15.** Cơ cấu ngành kinh tế gồm các bộ phận nào sau đây?

- A. Nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.  
B. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực ngoài nước.  
C. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực trong nước.

D. Nông - lâm - ngư nghiệp, khu vực ở trong nước và dịch vụ.

**Câu 16.** Hoạt động nào sau đây ra đời sớm nhất trong lịch sử phát triển của xã hội người?

A. Thương mại. B. Công nghiệp. C. Thủ công nghiệp. D. Nông nghiệp.

**Câu 17.** Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào

A. chất lượng đất. B. diện tích đất. C. độ nhiệt ẩm. D. nguồn nước tưới.

**Câu 18.** Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là

A. cơ sở vật chất. B. đối tượng lao động. C. công cụ lao động. D. tư liệu sản xuất.

**Câu 19.** Cây lương thực bao gồm

A. lúa gạo, lúa mì, lạc. B. lúa gạo, lúa mì, ngô.  
C. lúa gạo, lúa mì, mía. D. lúa gạo, lúa mì, đậu.

**Câu 20.** Cơ cấu thành phần kinh tế gồm

A. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, công nghiệp - xây dựng.  
B. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nông - lâm - ngư nghiệp.  
C. khu vực kinh tế trong nước, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.  
D. khu vực kinh tế trong nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 21.** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm của ngành thủy sản?

A. Gồm hoạt động: khai thác, chế biến và nuôi trồng.  
B. Sản xuất ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên.  
C. Sản xuất đa dạng do không phụ thuộc mùa vụ.  
D. Công nghệ còn lạc hậu nhất trong nông nghiệp.

**Câu 22.** Vai trò quan trọng của rừng đối với môi trường là

A. điều hòa lượng nước trên mặt đất. B. cung cấp lâm sản phục vụ sản xuất.  
C. nguồn gen rất quý giá của tự nhiên. D. cung cấp các dược liệu chữa bệnh.

**Câu 23.** Các quốc gia có sản lượng đánh bắt thủy sản lớn nhất thế giới (năm 2019) lần lượt là

A. Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Pê-ru. B. In-đô-nê-xi-a, Pê-ru, Nhật Bản.  
C. Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ. D. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ.

**Câu 24.** Nguồn thức ăn tự nhiên của chăn nuôi là

A. thức ăn chế biến. B. phụ phẩm công nghiệp.  
C. cây lương thực. D. đồng cỏ tự nhiên.

**Câu 25.** Các quốc gia có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất thế giới (năm 2019) lần lượt là

A. Ấn Độ, Na Uy, Nhật Bản. B. Trung Quốc, Ấn Độ, Băng-la-đét.  
C. Ấn Độ, Trung Quốc, Băng-la-đét. D. Nhật Bản, Na Uy, Ai Cập.

**Câu 26.** Lúa gạo phân bố tập trung ở miền

A. ôn đới. B. hàn đới. C. cận nhiệt. D. nhiệt đới.

**Câu 27.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tình hình trồng rừng trên thế giới?

A. Trồng rừng góp phần bảo vệ môi trường. B. Trồng rừng để tái tạo tài nguyên rừng.  
C. Diện tích trồng rừng ngày càng mở rộng. D. Chất lượng rừng trồng cao hơn tự nhiên.

**Câu 28.** Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò

A. tiên đề. B. quan trọng. C. cơ sở. D. quyết định.

**II. TỰ LUẬN: (3 điểm)**

**Câu 1: (2 điểm)** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP phân theo ngành ở Việt Nam, năm 2019**

**Đơn vị: %**

Ngành	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Tỉ trọng	15,5	38,3	46,2

Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành của Việt Nam năm 2019 và nhận xét.

**Câu 2: (1 điểm).**

Trong các nhân tố ảnh hưởng, nhân tố nào có vai trò quyết định xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của một lãnh thổ? Tại sao?

----- **HẾT** -----

Ngày kiểm tra:

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)  
(Đề kiểm tra có 02 trang)

Mã đề 102

Họ và tên: .....

Lớp:

SBD.....

**ĐỀ BÀI**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)**

- Câu 1.** Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào  
A. độ nhiệt ẩm.                      B. nguồn nước tưới.                      C. chất lượng đất.                      D. diện tích đất.
- Câu 2.** Nguồn lực nào sau đây thuộc vào nguồn lực vật chất?  
A. Văn hoá.                      B. Kinh nghiệm.                      C. Chính sách.                      D. Tài nguyên.
- Câu 3.** Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là  
A. Máy móc và cây trồng.                      B. Cây trồng và vật nuôi.  
C. Cây trồng và hàng tiêu dùng.                      D. Hàng tiêu dùng và vật nuôi.
- Câu 4.** Vai trò nào dưới đây **không** phải là của ngành trồng trọt?  
A. Cung cấp sức kéo và phân bón.                      B. Là nguyên liệu cho công nghiệp.  
C. Đảm bảo lương thực cho con người.                      D. Là cơ sở để phát triển chăn nuôi.
- Câu 5.** Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là  
A. nguồn lực kinh tế - xã hội.                      B. nguồn lực tự nhiên.  
C. nguồn lực bên trong.                      D. nguồn lực bên ngoài.
- Câu 6.** Những nguồn lực nào sau đây đóng vai trò là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất?  
A. Đất, khí hậu, dân số.                      B. Khí hậu, thị trường, vốn.  
C. Dân số, nước, sinh vật.                      D. Sinh vật, đất, khí hậu.
- Câu 7.** Thành phần nào sau đây **không** được xếp vào cơ cấu ngành kinh tế của một quốc gia?  
A. Trồng trọt.                      B. Chăn nuôi.                      C. Khai khoáng.                      D. Hộ gia đình.
- Câu 8.** Cơ cấu thành phần kinh tế gồm  
A. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, công nghiệp - xây dựng.  
B. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nông - lâm - ngư nghiệp.  
C. khu vực kinh tế trong nước, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.  
D. khu vực kinh tế trong nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- Câu 9.** Nguồn lực kinh tế - xã hội quan trọng nhất có tính quyết định đến sự phát triển kinh tế của một đất nước là  
A. thị trường.                      B. con người.                      C. công nghệ.                      D. nguồn vốn.
- Câu 10.** Cây lương thực bao gồm  
A. lúa gạo, lúa mì, đậu.                      B. lúa gạo, lúa mì, ngô.  
C. lúa gạo, lúa mì, mía.                      D. lúa gạo, lúa mì, lạc.
- Câu 11.** Nhân tố ảnh hưởng làm cho sản xuất nông nghiệp có tính bấp bênh là  
A. đất đai.                      B. khí hậu.                      C. sinh vật.                      D. nguồn nước.
- Câu 12.** Loại vật nuôi nào sau đây thuộc gia súc lớn?  
A. Cừu.                      B. Trâu.                      C. Dê.                      D. Lợn.
- Câu 13.** Về cơ bản, sản xuất nông nghiệp không thể diễn ra khi **không** có?  
A. đất đai.                      B. địa hình.                      C. sinh vật.                      D. nguồn nước.
- Câu 14.** Cơ cấu ngành kinh tế gồm các bộ phận nào sau đây?  
A. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực trong nước.  
B. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực ngoài nước.  
C. Nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.  
D. Nông - lâm - ngư nghiệp, khu vực ở trong nước và dịch vụ.

- Câu 15.** Hoạt động nào sau đây ra đời sớm nhất trong lịch sử phát triển của xã hội người?  
**A.** Thương mại.                      **B.** Thủ công nghiệp.                      **C.** Nông nghiệp.                      **D.** Công nghiệp.
- Câu 16.** Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ, có thể phân chia thành nguồn lực  
**A.** nội lực, ngoại lực.                      **B.** ngoại lực, dân số.  
**C.** dân số, lao động.                      **D.** nội lực, lao động.
- Câu 17.** Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của một quốc gia **không** bao gồm  
**A.** vùng kinh tế.                      **B.** ngành sản xuất.  
**C.** khu chế xuất.                      **D.** điểm sản xuất.
- Câu 18.** Phát biểu nào sau **không** đúng về vai trò của cây công nghiệp?  
**A.** Góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên đất.                      **B.** Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  
**C.** Cung cấp lương thực cho con người.                      **D.** Là các mặt hàng xuất khẩu quan trọng.
- Câu 19.** Cơ cấu lãnh thổ có thể chia theo  
**A.** nông - lâm - ngư nghiệp, toàn cầu.                      **B.** kinh tế toàn cầu, dịch vụ.  
**C.** vùng kinh tế, khu kinh tế.                      **D.** công nghiệp - xây dựng, quốc gia.
- Câu 20.** Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là  
**A.** đối tượng lao động.                      **B.** cơ sở vật chất.  
**C.** công cụ lao động.                      **D.** tư liệu sản xuất.
- Câu 21.** Các quốc gia có sản lượng đánh bắt thủy sản lớn nhất thế giới (năm 2019) lần lượt là  
**A.** Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ.                      **B.** Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ.  
**C.** Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Pê-ru.                      **D.** In-đô-nê-xi-a, Pê-ru, Nhật Bản.
- Câu 22.** Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò  
**A.** cơ sở.                      **B.** quyết định.                      **C.** quan trọng.                      **D.** tiền đề.
- Câu 23.** Các quốc gia có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất thế giới (năm 2019) lần lượt là  
**A.** Ấn Độ, Trung Quốc, Băng-la-đét.                      **B.** Nhật Bản, Na Uy, Ai Cập.  
**C.** Trung Quốc, Ấn Độ, Băng-la-đét.                      **D.** Ấn Độ, Na Uy, Nhật Bản.
- Câu 24.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tình hình trồng rừng trên thế giới?  
**A.** Trồng rừng để tái tạo tài nguyên rừng.                      **B.** Chất lượng rừng trồng cao hơn tự nhiên.  
**C.** Trồng rừng góp phần bảo vệ môi trường.                      **D.** Diện tích trồng rừng ngày càng mở rộng.
- Câu 25.** Nguồn thức ăn tự nhiên của chăn nuôi là  
**A.** đồng cỏ tự nhiên.                      **B.** cây lương thực.  
**C.** thức ăn chế biến.                      **D.** phụ phẩm công nghiệp.
- Câu 26.** Lúa gạo phân bố tập trung ở miền  
**A.** hàn đới.                      **B.** nhiệt đới.                      **C.** cận nhiệt.                      **D.** ôn đới.
- Câu 27.** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm của ngành thủy sản?  
**A.** Sản xuất ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên.  
**B.** Sản xuất đa dạng do không phụ thuộc mùa vụ.  
**C.** Gồm hoạt động: khai thác, chế biến và nuôi trồng.  
**D.** Công nghệ còn lạc hậu nhất trong nông nghiệp.
- Câu 28.** Vai trò quan trọng của rừng đối với môi trường là  
**A.** điều hòa lượng nước trên mặt đất.                      **B.** cung cấp các dược liệu chữa bệnh.  
**C.** nguồn gen rất quý giá của tự nhiên.                      **D.** cung cấp lâm sản phục vụ sản xuất.

## II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

**Câu 1:** (2 điểm) Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP thế giới phân theo ngành, năm 2019**

Đơn vị: %

Ngành	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Tỉ trọng	4,2	27,9	67,9

Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành của thế giới năm 2019 và nhận xét.

**Câu 2:** (1 điểm).

Em hãy cho biết một số loại cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở Kon Tum, tại sao cây trồng đó lại được trồng nhiều ở địa phương em.

----- HẾT -----

SỞ GDĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2023-2024

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 10**

(Bản Hướng dẫn gồm 03 trang)

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

**1. Phần TNKQ:** 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.

**2. Phần tự luận:** GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

**II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

Câu	Mã đề							
	101	102	103	104	105	106	107	108
1	C	D	C	B	A	A	D	C
2	A	D	B	C	D	C	B	D
3	B	B	C	A	D	D	A	C
4	C	A	A	B	D	A	A	C
5	D	C	D	D	A	D	C	C
6	B	D	C	D	C	D	C	D
7	B	D	C	D	D	C	A	A
8	C	D	B	A	B	B	D	B
9	C	B	A	B	D	A	D	B
10	B	B	C	D	C	C	C	A
11	B	B	D	C	A	C	A	D
12	D	B	C	B	C	D	B	A
13	D	A	D	B	D	A	B	B
14	A	C	C	D	B	B	A	D
15	A	C	D	C	C	A	C	A
16	D	A	B	B	D	B	A	C
17	B	B	C	A	B	B	A	C
18	D	C	C	C	B	B	D	B
19	B	C	C	C	C	B	C	C
20	D	D	C	D	D	C	C	B
21	A	C	D	B	B	B	D	A
22	A	B	A	B	D	D	C	D
23	A	C	D	A	D	A	A	D
24	D	B	B	B	B	A	B	A
25	B	A	D	C	C	A	A	A
26	D	B	B	C	C	A	B	D
27	D	C	B	A	A	D	D	C
28	D	A	B	C	B	C	C	B

\* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**ĐỀ 101,103,105,107**

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> (2,0 điểm)	- Vẽ biểu đồ tròn, đúng tỉ lệ, có đơn vị số liệu, tên biểu đồ	1,0
	- Nhận xét	0,5
	+ Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất (dẫn chứng)	0,25
	+ Ngành công nghiệp xây dựng đứng thứ 2 (dẫn chứng)	0,25
<b>Câu 2</b> (1,0 điểm)	- Quan hệ sở hữu ruộng đất và các chính sách phát triển nông nghiệp có vai trò quyết định xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của một lãnh thổ	0,5
	- Vì nhân tố trên sẽ định hướng phát triển và quy định các hình thức tổ chức sản xuất của 1 lãnh thổ.	0,5

**ĐỀ 102,104,106,108**

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> (2,0 điểm)	- Vẽ biểu đồ tròn, đúng tỉ lệ, có đơn vị số liệu, tên biểu đồ	1,0
	- Nhận xét	0,5
	+ Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất (dẫn chứng)	0,25
	+ Ngành công nghiệp xây dựng đứng thứ 2 (dẫn chứng)	0,25
<b>Câu 2</b> (1,0 điểm)	- Một số cây công nghiệp lâu năm trồng nhiều ở Kon Tum là : cà phê, cao su...	0,5
	- Những cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều là do : đất đai (đỏ bazan), khí hậu (cận xích đạo), dân cư có kinh nghiệm..	0,5

----- HẾT-----

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2023-2024  
MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 11

Ngày kiểm tra: 22/03/2023

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)  
(Đề kiểm tra có 03 trang)

Mã đề 111

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

**ĐỀ BÀI**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)**

**Câu 1.** Ngành công nghiệp nào tạo ra doanh thu lớn và thu hút lao động ở Hoa Kỳ

- A. dệt. B. điện tử - tin học.  
C. gia công đồ nhựa. D. luyện kim.

**Câu 2.** Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu quốc gia?

- A. 14. B. 13. C. 12. D. 11.

**Câu 3.** Tây Nam Á có vị trí địa lí ở

- A. giáp Thái Bình Dương.
- C. giáp Đông Á và Tây Á.

- B. liền kề đất liền châu Phi.
- D. tây nam châu Á.

**Câu 4.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư Hoa Kỳ?

- A. Cơ cấu dân số trẻ.
- C. Phân bố đồng đều.

- B. Mật độ dân số cao.
- D. Có nhiều chủng tộc.

**Câu 5.** Đặc điểm nổi bật của địa hình Hoa Kỳ là

- A. độ cao không chênh lệch nhau giữa các khu vực.
- B. độ cao giảm dần từ Tây sang Đông.
- C. độ cao giảm dần từ Bắc xuống Nam.
- D. cao ở phía Tây và Đông, thấp ở vùng trung tâm.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu sau:

**SỐ DÂN HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2022**  
(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2010	2015	2022
Số dân	282,2	309,0	312,8	332,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê năm 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2022, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Cột.
- C. Miền.
- D. Tròn.

**Câu 7.** Khu vực kinh tế nào sau đây phát triển sớm và mạnh nhất ở Hoa Kỳ?

- A. Phía Tây.
- B. Phía Nam.
- C. Trung Tây.
- D. Đông Bắc.

**Câu 8.** Lợi ích lớn nhất do người nhập cư mang đến cho Hoa Kỳ là

- A. đa dạng về chủng tộc.
- B. có nền văn hóa đa dạng.
- C. lao động có trình độ cao.
- D. nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 9.** Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở khu vực

- A. Trung Mỹ.
- B. Ca-ri-bê.
- C. Nam Mỹ.
- D. Bắc Mỹ.

**Câu 10.** Dầu khí của Tây Nam Á phân bố chủ yếu ở

- A. ven Địa Trung Hải.
- B. tại các hoang mạc.
- C. vùng vịnh Péc-xích.
- D. hai bên bờ Biển Đỏ.

**Câu 11.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Hoa Kỳ?

- A. Khoáng sản phong phú.
- B. Thiên nhiên đa dạng.
- C. Thị trường nội địa lớn.
- D. Lãnh thổ là quần đảo.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA LIÊN BANG NGA NĂM 2022**

Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> )	Dân số (nghìn người)
16376,9	144300,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê năm 2023)

Theo bảng số liệu, mật độ dân số của LB Nga năm 2022 là

- A. 9 người/km<sup>2</sup>
- B. 19 người/km<sup>2</sup>.
- C. 86 người/km<sup>2</sup>.
- D. 85 người/km<sup>2</sup>.

**Câu 13.** Cho bảng số liệu sau:

**DÂN SỐ VÀ TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA LIÊN BANG NGA NĂM 2021**

Dân số (triệu người)	Tổng sản phẩm trong nước (triệu USD)
145,8	1778783

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê năm 2022)

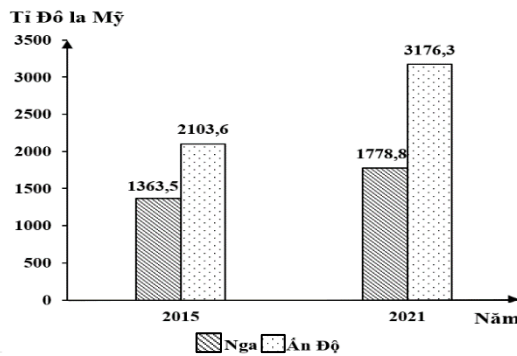
Theo bảng số liệu, tổng sản phẩm trong nước bình quân theo đầu người của Liên bang Nga năm 2021 là

- A. 12000 USD/người.
- B. 12200 USD/người.
- C. 819 USD/người.
- D. 392 USD/người.

**Câu 14.** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

- A. tốc độ tăng trưởng rất chậm.
- B. số lượng lao động ít nhất.
- C. tỉ trọng trong GDP lớn nhất.
- D. hàng hóa ít có sự đa dạng.

- Câu 15.** Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là  
 A. rừng tai-ga.                      B. rừng lá rộng.                      C. thường xanh.                      D. rừng lá cứng.
- Câu 16.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kỳ hiện nay?  
 A. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch.  
 B. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.  
 C. Cơ cấu hoạt động dịch vụ rất đa dạng.  
 D. Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế.
- Câu 17.** Loại hình vận tải nào sau đây có vai trò quan trọng trong vận chuyển dầu khí của LB Nga?  
 A. Đường biển.                      B. Đường ống.                      C. Đường sắt.                      D. Đường sông.
- Câu 18.** Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là  
 A. chăn nuôi.                      B. trồng trọt.                      C. dầu khí.                      D. thủy sản.
- Câu 19.** Ngành công nghiệp truyền thống của LB Nga là  
 A. hàng không-vũ trụ.                      B. hóa dầu.  
 C. sản xuất máy bay.                      D. luyện kim.
- Câu 20.** Lãnh thổ Hoa Kỳ **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?  
 A. Bắc Băng Dương.                      B. Đại Tây Dương.                      C. Thái Bình Dương.                      D. Ấn Độ Dương.
- Câu 21.** Lãnh thổ của Liên bang Nga  
 A. liền kề với Đại Tây Dương.                      B. rộng nhất thế giới.  
 C. nằm hoàn toàn ở châu Âu.                      D. giáp Ấn Độ Dương.
- Câu 22.** Khí hậu Tây Nam Á chủ yếu mang tính chất  
 A. nóng khô.                      B. lạnh ẩm.                      C. lạnh khô.                      D. nóng ẩm.
- Câu 23.** Cho biểu đồ sau:



GDP CỦA LIÊN BANG NGA VÀ ẤN ĐỘ NĂM 2015 VÀ 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê năm 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP năm 2021 so với năm 2015 của Liên bang Nga và Ấn Độ?

- A. Liên bang Nga tăng, Ấn Độ giảm.                      B. Ấn Độ giảm, Liên bang Nga tăng.  
 C. Ấn Độ tăng ít hơn.                      D. Liên bang Nga tăng chậm hơn.
- Câu 24.** Công nghiệp của Hoa Kỳ hiện nay  
 A. rất hiện đại.                      B. chỉ xuất khẩu.                      C. phân bố đồng đều.                      D. chỉ có chế biến.
- Câu 25.** Công nghiệp của Liên bang Nga tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?  
 A. Đồng bằng Đông Âu.                      B. Khu vực Viễn Đông.  
 C. Khu vực dãy U-ran.                      D. Đồng bằng Tây Xi-bia.
- Câu 26.** Điều kiện tự nhiên nào sau đây thuận lợi để Hoa Kỳ phát triển nông nghiệp?  
 A. Khí hậu phân hóa, lượng mưa ít.                      B. Nhiều núi trẻ và bồn địa rộng lớn.  
 C. Sông chảy trên địa hình khá dốc.                      D. Các đồng bằng phù sa màu mỡ.
- Câu 27.** Sản phẩm xuất khẩu quan trọng nhất của Liên bang Nga là  
 A. xe cộ, đá quý, chất dẻo.                      B. sản phẩm điện, điện tử.  
 C. máy móc và dược phẩm.                      D. dầu thô và khí tự nhiên.
- Câu 28.** Cây lương thực nào sau đây được trồng chủ yếu ở đồng bằng Đông Âu?  
 A. Lúa mì.                      B. Khoai lang.                      C. Lúa gạo.                      D. Ngô.

## II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

**Câu 1: (2,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:



## CƠ CẤU GDP CỦA HOA KỲ NĂM 2010 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: %)

Ngành	Năm	
	2010	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1,0	1,1
Công nghiệp và xây dựng	19,3	18,4
Dịch vụ	76,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,4	0,4

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu GDP của Hoa Kỳ năm 2010 và năm 2020.

b. Nhận xét sự thay đổi cơ cấu GDP của Hoa Kỳ.

**Câu 2:(1,0 điểm)** Tại sao thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay?

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2023-2024

MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 11

Ngày kiểm tra: 22/03/2023

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 03 trang)

Mã đề 112

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

### ĐỀ BÀI

#### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

**Câu 1.** Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở khu vực

A. Nam Mỹ.

B. Bắc Mỹ.

C. Ca-ri-bê.

D. Trung Mỹ.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kỳ hiện nay?

A. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.

B. Cơ cấu hoạt động dịch vụ rất đa dạng.

C. Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế.

D. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch.

**Câu 3.** Lãnh thổ Hoa Kỳ **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

A. Bắc Băng Dương.

B. Thái Bình Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Ấn Độ Dương.

**Câu 4.** Công nghiệp của Hoa Kỳ hiện nay

A. rất hiện đại.

B. chỉ có chế biến.

C. phân bố đồng đều.

D. chỉ xuất khẩu.

**Câu 5.** Lợi ích lớn nhất do người nhập cư mang đến cho Hoa Kỳ là

A. có nền văn hóa đa dạng.

B. nguồn vốn đầu tư lớn.

C. đa dạng về chủng tộc.

D. lao động có trình độ cao.

**Câu 6.** Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

A. số lượng lao động ít nhất.

B. tốc độ tăng trưởng rất chậm.

C. hàng hóa ít có sự đa dạng.

D. tỉ trọng trong GDP lớn nhất.

**Câu 7.** Tây Nam Á có vị trí địa lí ở

A. giáp Đông Á và Tây Á.

B. tây nam châu Á.

C. liền kề đất liền châu Phi.

D. giáp Thái Bình Dương.

**Câu 8.** Ngành công nghiệp truyền thống của LB Nga là

A. hóa dầu.

B. luyện kim.

C. sản xuất máy bay.

D. hàng không-vũ trụ.

**Câu 9.** Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là

A. trồng trọt.

B. chăn nuôi.

C. thủy sản.

D. dầu khí.

**Câu 10.** Dầu khí của Tây Nam Á phân bố chủ yếu ở

A. tại các hoang mạc.

C. hai bên bờ Biển Đỏ.

B. ven Địa Trung Hải.

D. vùng vịnh Péc-xích.

**Câu 11.** Ngành công nghiệp nào tạo ra doanh thu lớn và thu hút lao động ở Hoa Kỳ

A. gia công đồ nhựa.

C. luyện kim.

B. điện tử - tin học.

D. dệt.

**Câu 12.** Khí hậu Tây Nam Á chủ yếu mang tính chất

A. lạnh khô.

B. lạnh ẩm.

C. nóng ẩm.

D. nóng khô.

**Câu 13.** Đặc điểm nổi bật của địa hình Hoa Kỳ là

A. độ cao giảm dần từ Bắc xuống Nam.

B. độ cao không chênh lệch nhau giữa các khu vực.

C. độ cao giảm dần từ Tây sang Đông.

D. cao ở phía Tây và Đông, thấp ở vùng trung tâm.

**Câu 14.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA LIÊN BANG NGA NĂM 2022

Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> )	Dân số (nghìn người)
16376,9	144300,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê năm 2023)

Theo bảng số liệu, mật độ dân số của LB Nga năm 2022 là

A. 9 người/km<sup>2</sup>

B. 85 người/km<sup>2</sup>.

C. 19 người/km<sup>2</sup>.

D. 86 người/km<sup>2</sup>.

**Câu 15.** Liên Bang Nga có chung biên giới với bao nhiêu quốc gia?

A. 14.

B. 13.

C. 12.

D. 11.

**Câu 16.** Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Mật độ dân số cao.

C. Phân bố đồng đều.

B. Có nhiều chủng tộc.

D. Cơ cấu dân số trẻ.

**Câu 17.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Hoa Kỳ?

A. Khoáng sản phong phú.

C. Thiên nhiên đa dạng.

B. Lãnh thổ là quần đảo.

D. Thị trường nội địa lớn.

**Câu 18.** Loại hình vận tải nào sau đây có vai trò quan trọng trong vận chuyển dầu khí của LB Nga?

A. Đường biển.

B. Đường sắt.

C. Đường ống.

D. Đường sông.

**Câu 19.** Công nghiệp của Liên bang Nga tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng Tây Xi-bia.

C. Khu vực Viễn Đông.

B. Đồng bằng Đông Âu.

D. Khu vực dãy U-ran.

**Câu 20.** Lãnh thổ của Liên bang Nga

A. nằm hoàn toàn ở châu Âu.

C. liền kề với Đại Tây Dương.

B. rộng nhất thế giới.

D. giáp Ấn Độ Dương.

**Câu 21.** Điều kiện tự nhiên nào sau đây thuận lợi để Hoa Kỳ phát triển nông nghiệp?

A. Khí hậu phân hóa, lượng mưa ít.

C. Các đồng bằng phù sa màu mỡ.

B. Sông chảy trên địa hình khá dốc.

D. Nhiều núi trẻ và bồn địa rộng lớn.

**Câu 22.** Cây lương thực nào sau đây được trồng chủ yếu ở đồng bằng Đông Âu?

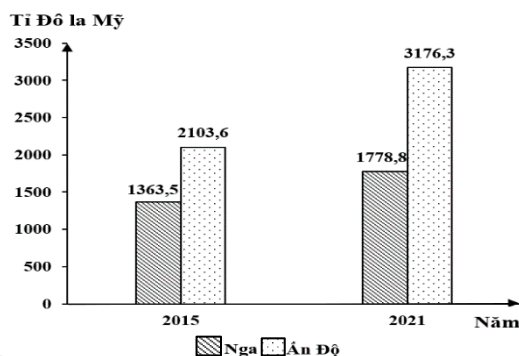
A. Lúa gạo.

B. Ngô.

C. Lúa mì.

D. Khoai lang.

**Câu 23.** Cho biểu đồ sau:



## GDP CỦA LIÊN BANG NGA VÀ ÁN ĐỘ NĂM 2015 VÀ 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê năm 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP năm 2021 so với năm 2015 của Liên bang Nga và Ấn Độ?

- A. Liên bang Nga tăng, Ấn Độ giảm. B. Ấn Độ giảm, Liên bang Nga tăng.  
C. Liên bang Nga tăng chậm hơn. D. Ấn Độ tăng ít hơn.

**Câu 24.** Sản phẩm xuất khẩu quan trọng nhất của Liên bang Nga là

- A. máy móc và dược phẩm. B. sản phẩm điện, điện tử.  
C. dầu thô và khí tự nhiên. D. xe cộ, đá quý, chất dẻo.

**Câu 25.** Khu vực kinh tế nào sau đây phát triển sớm và mạnh nhất ở Hoa Kỳ?

- A. Đông Bắc. B. Trung Tây. C. Phía Nam. D. Phía Tây.

**Câu 26.** Cho bảng số liệu sau:

### SỐ DÂN HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2022

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2010	2015	2022
Số dân	282,2	309,0	312,8	332,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê năm 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số Hoa Kỳ giai đoạn 2000-2022, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Cột. C. Tròn. D. Miền.

**Câu 27.** Cho bảng số liệu sau:

### DÂN SỐ VÀ TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA LIÊN BANG NGA NĂM 2021

Dân số (triệu người)	Tổng sản phẩm trong nước (triệu USD)
145,8	1778783

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê năm 2022)

Theo bảng số liệu, tổng sản phẩm trong nước bình quân theo đầu người của Liên bang Nga năm 2021 là

- A. 392 USD/người. B. 12000 USD/người. C. 12200 USD/người. D. 819 USD/người.

**Câu 28.** Loại rừng chiếm diện tích chủ yếu ở Liên bang Nga là

- A. rừng tai-ga. B. rừng lá cứng. C. rừng lá rộng. D. thường xanh.

## II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

**Câu 1: (2,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

### CƠ CẤU GDP CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á NĂM 2010 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: %)

Ngành	Năm	
	2010	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	5,5	6,0
Công nghiệp và xây dựng	37,9	30,6
Dịch vụ	50,9	57,2
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	5,7	6,2

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu GDP của khu vực Tây Nam Á năm 2010 và năm 2020.

b. Nhận xét sự thay đổi cơ cấu GDP của khu vực Tây Nam Á.

**Câu 2:(1,0 điểm)** Tại sao sản lượng xuất khẩu dầu khí của Liên bang Nga ngày càng tăng?

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 11**

*(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)*

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

**1. Phần TNKQ:** 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.

**2. Phần tự luận:** GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

**II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

Câu	111	112	113	114	115	116	117	118
1	B	B	C	B	A	A	D	C
2	A	D	C	B	B	C	B	C
3	D	D	B	D	A	A	A	B
4	D	A	C	D	A	A	D	B
5	D	D	C	D	D	A	B	D
6	B	D	B	B	B	C	B	C
7	D	B	B	D	C	D	A	D
8	C	B	A	B	C	D	D	C
9	D	D	C	A	A	B	A	D
10	C	D	C	A	B	C	A	B
11	D	B	A	D	C	A	D	C
12	A	D	B	C	A	D	C	D
13	B	D	D	A	D	A	D	C
14	C	A	A	C	C	C	C	C
15	A	A	B	A	D	C	B	D
16	A	B	A	B	D	B	C	C
17	B	B	C	D	C	C	B	D
18	C	C	C	B	D	C	C	B
19	D	B	C	C	A	C	A	A
20	D	B	B	B	A	A	C	A
21	B	C	D	A	C	A	C	D
22	A	C	B	D	A	D	D	C
23	D	C	D	A	D	D	A	D
24	A	C	C	D	A	B	C	A
25	A	A	A	A	B	A	A	B
26	D	B	B	C	D	C	C	A
27	D	C	C	B	D	D	C	D
28	A	A	A	D	B	B	B	C

### III. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Mã đề 111,113,115,117

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	<b>a. Vẽ biểu đồ</b> - HS vẽ được biểu đồ tròn: 2 biểu đồ - Yêu cầu: Đầy đủ, chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm. <i>(Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)</i>	1,5
	<b>b. Nhận xét</b> - Cơ cấu GDP của Hoa Kỳ từ năm 2010 đến năm 2020 có sự thay đổi - Giảm tỉ trọng CN và XD, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm; tăng nhẹ tỉ trọng NN và DV (dẫn chứng)	0,25 0,25
2 (1,0 điểm)	<b>* Thiếu nguồn lao động lại là vấn đề dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm hiện nay vì:</b> - Dân số Liên Bang Nga có xu hướng giảm dần, gia tăng tự nhiên âm, số người di cư ra nước ngoài đông. - Cơ cấu dân số già, số người từ 0 – 14 tuổi có xu hướng giảm gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn lao động trong tương lai. <i>(Mỗi ý 0,5 điểm. HS diễn đạt theo cách khác song vẫn đảm bảo đủ ý theo yêu cầu vẫn sẽ cho điểm tối đa.)</i>	0,5 0,5

Mã đề 112,114,116,118

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	<b>a. Vẽ biểu đồ</b> - HS vẽ được biểu đồ tròn: 2 biểu đồ - Yêu cầu: Đầy đủ, chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm. <i>(Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)</i>	1,5
	<b>b. Nhận xét</b> - Cơ cấu GDP của khu vực Tây Nam Á từ năm 2010 đến năm 2020 có sự thay đổi - Giảm tỉ trọng CN và XD; tăng nhẹ tỉ trọng NN, DV, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (dẫn chứng)	0,25 0,25
2 (1,0 điểm)	<b>* Sản lượng xuất khẩu dầu khí của Liên bang Nga ngày càng tăng vì:</b> - Có trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên lớn. - Ứng dụng các công nghệ khai thác hiện đại. - Nhu cầu thế giới lớn, ngày càng tăng. - Đem lại nguồn ngoại tệ lớn => góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, tăng cường vị thế trên trường quốc tế. <i>(Mỗi ý 0,25 điểm. HS diễn đạt theo cách khác song vẫn đảm bảo đủ ý theo yêu cầu vẫn sẽ cho điểm tối đa.)</i>	0,25 0,25 0,25 0,25

-----HẾT-----

Mã đề 121

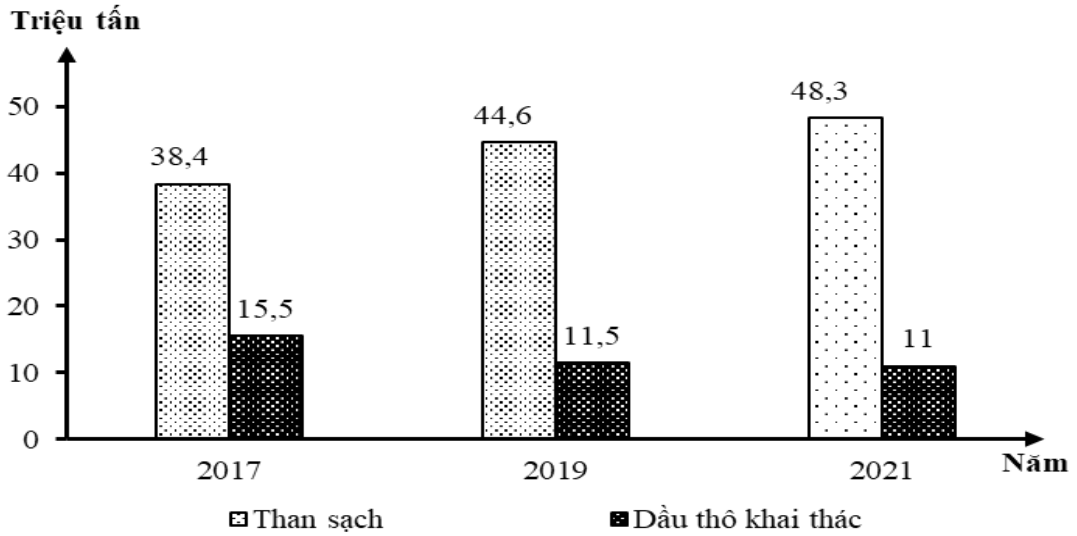
Họ và tên: ..... Lớp:..... SBD.....

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1.** Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đông Nam Bộ. B. Duyên hải miền Trung.  
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 2.** Cho biểu đồ về sản lượng than sạch và dầu thô khai thác của nước ta qua các năm 2017, 2019 và 2021



(Số liệu theo <https://www.gso.gov.vn>)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.  
B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.  
C. Cơ cấu sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.  
D. Chuyên dịch cơ cấu sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.

**Câu 3.** Cây trồng nào sau đây thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm ở nước ta?

- A. Cao su. B. Hồ tiêu. C. Đậu tương. D. Cà phê.

**Câu 4.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trong các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm sau đây, trung tâm nào có số lượng các ngành chế biến nhiều nhất?

- A. Bảo Lộc. B. TP Hồ Chí Minh. C. Phan Thiết. D. Tây Ninh.

**Câu 5.** Ngành nào sau đây **không phải** là ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm?

- A. Chế biến sản phẩm trồng trọt. B. Chế biến sản phẩm chăn nuôi.  
C. Chế biến lâm sản. D. Chế biến thủy, hải sản.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG ĐÀN GIA SÚC CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

(Đơn vị: nghìn con)

Vật nuôi \ Năm	2010	2015	2018	2020
Trâu	2 877,0	2 524,0	2425,1	2410,0
Bò	5 808,3	5 367,2	5802,9	5875,3
Lợn	27 373,3	27 750,7	28151,9	26170,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng số lượng đàn gia súc của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.                      B. Cột.                      C. Đường.                      D. Tròn.

**Câu 7.** Nguyên nhân làm cho quá trình đô thị hóa nước ta hiện nay phát triển nhanh là

- A. Nền kinh tế nước ta đang chuyển sang kinh tế thị trường  
B. Nước ta thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài  
C. Quá trình công nghiệp hóa đang được đẩy mạnh  
D. Nước ta đang hội nhập với quốc tế và khu vực

**Câu 8.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính theo đầu người đạt trên 50 kg/người?

- A. Sơn La.                      B. Yên Bái.                      C. Lào Cai.                      D. Lai Châu.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây **đúng** với nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Chủ yếu là lao động có trình độ cao.  
B. Chất lượng lao động ngày càng tăng.  
C. Nhiều kinh nghiệm trong công nghiệp.  
D. Phân bố tập trung ở khu vực miền núi.

**Câu 10.** Diện tích nước ta là 331 212 km<sup>2</sup>, dân số là 84156 nghìn người (năm 2006). Mật độ dân số trung bình của nước ta là

- A. 251 người/km<sup>2</sup>.                      B. 252 người km<sup>2</sup>.                      C. 253 người /km<sup>2</sup>.                      D. 254 người/km<sup>2</sup>.

**Câu 11.** Ngư trường nào sau đây **không** phải là ngư trường trọng điểm ở nước ta?

- A. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.  
B. Ngư trường Thanh Hóa - Nghệ An-Hà Tĩnh.  
C. Ngư trường Hải Phòng-Quảng Ninh.  
D. Ngư trường Cà Mau-Kiên Giang.

**Câu 12.** Thành phần kinh tế nào sau đây vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc quản lí các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt của đất nước?

- A. Kinh tế tập thể.                      B. Kinh tế tư nhân.  
C. Kinh tế nhà nước.                      D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 13.** Cây công nghiệp nào sau đây có nguồn gốc cận nhiệt?

- A. Cao su.                      B. Điều.                      C. Chè.                      D. Hồ tiêu.

**Câu 14.** Vùng nào sau đây có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.                      B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long.                      D. Đông Nam Bộ.

**Câu 15.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy điện nào sau đây là nhà máy nhiệt điện?

- A. Phả Lại.                      B. Thác Bà.                      C. Hòa Bình.                      D. Tuyên Quang.

**Câu 16.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thành tựu của công cuộc Đổi mới ở nước ta hiện nay?

- A. Lạm phát được kiểm soát tốt.                      B. Mức sống của dân cư rất cao.  
C. Tăng trưởng kinh tế khá cao.                      D. Cơ cấu kinh tế chuyển biến.

**Câu 17.** Dựa vào bảng số liệu về sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 1990 - 2005.

(Đơn vị : nghìn tấn)

Chỉ tiêu	1990	1995	2000	2005
Sản lượng	890,6	1584,4	2250,5	3432,8
Khai thác	728,5	1195,3	1660,9	1995,4
Nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1437,4

Nhận xét nào sau đây **chưa** chính xác ?

- A. Nuôi trồng tăng gần 8,9 lần trong khi khai thác chỉ tăng hơn 2,7 lần.  
B. Sản lượng thủy sản tăng nhanh, tăng liên tục và tăng toàn diện.  
C. Sản lượng thủy sản giai đoạn 2000 - 2005 tăng nhanh hơn giai đoạn 1990 - 1995  
D. Tốc độ tăng của nuôi trồng nhanh gấp hơn 2 lần tốc độ tăng của cả ngành.

**Câu 18.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng?

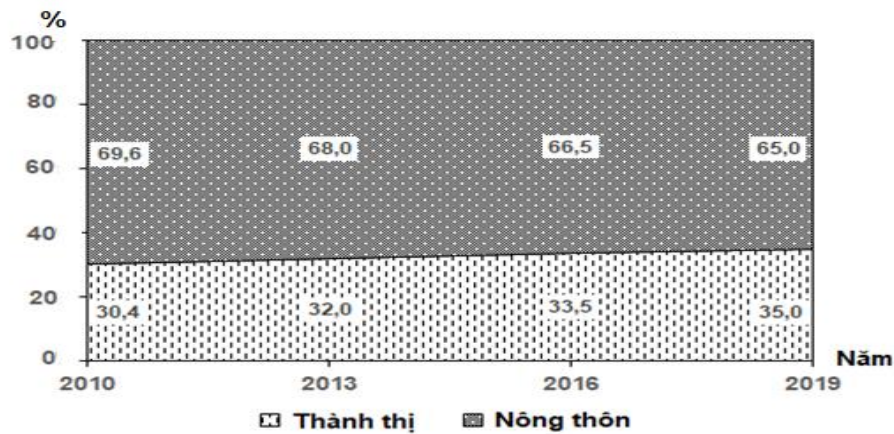
A. Cà Mau.

B. An Giang.

C. Kiên Giang.

D. Bạc Liêu.

Câu 19. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DÂN SỐ THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010-2019

(Nguồn: Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta qua các năm?

- A. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều tăng lên.
- B. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều giảm đi.
- C. Tỷ lệ dân nông thôn lớn hơn tỷ lệ dân thành thị.
- D. Tỷ lệ dân nông thôn nhỏ hơn tỷ lệ dân thành thị.

Câu 20. Giải pháp nào sau đây góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp của nước ta?

- A. Đẩy mạnh khai thác tài nguyên.
- B. Áp dụng các công nghệ hiện đại.
- C. Tự chủ hoàn toàn về nguyên liệu.
- D. Ưu tiên các ngành truyền thống.

Câu 21. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến ở nước ta trong những năm qua tăng vì

- A. mang lại hiệu quả kinh tế xã hội.
- B. áp dụng công nghệ sản xuất mới.
- C. nhập được nguồn nguyên liệu từ nước ngoài giá rẻ.
- D. thích nghi với tình hình mới và hội nhập vào thị trường thế giới.

Câu 22. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trong các trung tâm kinh tế sau đây, trung tâm nào có quy mô lớn nhất?

- A. Bắc Ninh.
- B. Hải Phòng.
- C. Thái Nguyên.
- D. Hải Dương.

Câu 23. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nhận xét nào **đúng** về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước phân theo nhóm ngành?

- A. Tỷ trọng ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước tăng.
- B. Tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác giảm.
- C. Giá trị sản xuất công nghiệp cả nước năm 2007 so với năm 2000 ổn định.
- D. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến giảm.

Câu 24. Quá trình đô thị hóa của nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tỷ lệ dân thành thị tăng lên.
- B. Trình độ đô thị hóa còn thấp.
- C. Có nhiều đô thị có quy mô lớn.
- D. Phân bố các đô thị không đều.

Câu 25. Cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

- A. Hình thành các ngành kinh tế trọng điểm.
- B. Phát triển các điểm công nghiệp.
- C. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.
- D. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến.

Câu 26. Vùng chiếm tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất ở nước ta là:

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng.



C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 27.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Sản xuất vật liệu xây dựng.

B. Khai thác than.

C. Cơ khí.

D. Chế biến nông sản.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản khai thác cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long ?

A. Bạc Liêu.

B. Kiên Giang.

C. Sóc Trăng.

D. Cà Mau.

**Câu 29.** Khó khăn về tự nhiên đối với phát triển ngành thủy sản nước ta hiện nay là

A. cảng cá còn chưa đáp ứng yêu cầu.

B. trình độ của lao động còn chưa cao.

C. nguồn lợi thủy sản đang bị suy giảm.

D. công nghệ chế biến chậm đổi mới.

**Câu 30.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có diện tích trồng lúa lớn nhất?

A. An Giang.

B. Kon Tum.

C. Gia Lai.

D. Đắk Lắk.

----- HẾT -----

*Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam*

SỞ GD&ĐT KON TUM  
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023 -2024  
MÔN ĐỊA LÍ - Lớp 12

Ngày kiểm tra: 21/ 3 / 2024

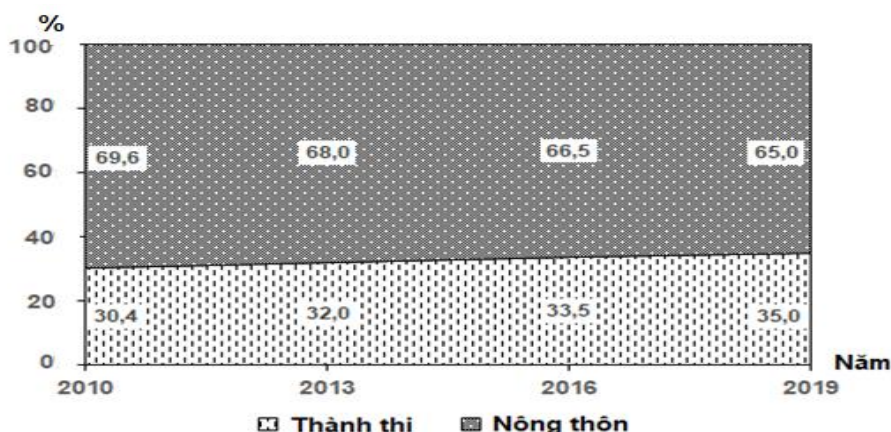
Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)  
(Đề kiểm tra có 04 trang)

Mã đề 122

Họ và tên: ..... Lớp:..... SBD.....

### ĐỀ BÀI

**Câu 1.** Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DÂN SỐ THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010-2019

(Nguồn: Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta qua các năm?

A. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều giảm đi.

B. Tỷ lệ dân nông thôn nhỏ hơn tỷ lệ dân thành thị.

C. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều tăng lên.

D. Tỷ lệ dân nông thôn lớn hơn tỷ lệ dân thành thị.

**Câu 2.** Ngư trường nào sau đây **không** phải là ngư trường trọng điểm ở nước ta?

A. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

B. Ngư trường Hải Phòng-Quảng Ninh.

C. Ngư trường Cà Mau-Kiên Giang.

D. Ngư trường Thanh Hóa - Nghệ An-Hà Tĩnh.

**Câu 3.** Giải pháp nào sau đây góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp của nước ta?

A. Áp dụng các công nghệ hiện đại.

B. Ưu tiên các ngành truyền thống.

C. Tự chủ hoàn toàn về nguyên liệu.

D. Đẩy mạnh khai thác tài nguyên.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG ĐÀN GIA SÚC CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

(Đơn vị: nghìn con)

<b>Vật nuôi</b> \ <b>Năm</b>	<b>2010</b>	<b>2015</b>	<b>2018</b>	<b>2020</b>
Trâu	2 877,0	2 524,0	2425,1	2410,0
Bò	5 808,3	5 367,2	5802,9	5875,3
Lợn	27 373,3	27 750,7	28151,9	26170,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng số lượng đàn gia súc của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền.

B. Cột.

C. Đường.

D. Tròn.

**Câu 5.** Cây công nghiệp nào sau đây có nguồn gốc cận nhiệt?

A. Cao su.

B. Chè.

C. Điều.

D. Hồ tiêu.

**Câu 6.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng?

A. Kiên Giang.

B. Bạc Liêu.

C. An Giang.

D. Cà Mau.

**Câu 7.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Cơ khí.

B. Sản xuất vật liệu xây dựng.

C. Chế biến nông sản.

D. Khai thác than.

**Câu 8.** Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến ở nước ta trong những năm qua tăng vì

A. áp dụng công nghệ sản xuất mới.

B. nhập được nguồn nguyên liệu từ nước ngoài giá rẻ.

C. thích nghi với tình hình mới và hội nhập vào thị trường thế giới.

D. mang lại hiệu quả kinh tế xã hội.

**Câu 9.** Khó khăn về tự nhiên đối với phát triển ngành thủy sản nước ta hiện nay là

A. cảng cá còn chưa đáp ứng yêu cầu.

B. công nghệ chế biến chậm đổi mới.

C. trình độ của lao động còn chưa cao.

D. nguồn lợi thủy sản đang bị suy giảm.

**Câu 10.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có diện tích trồng lúa lớn nhất?

A. Kon Tum.

B. An Giang.

C. Gia Lai.

D. Đắk Lắk.

**Câu 11.** Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

A. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải miền Trung.

D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 12.** Dựa vào bảng số liệu về sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 1990 - 2005.

(Đơn vị : nghìn tấn)

Chỉ tiêu	1990	1995	2000	2005
Sản lượng	890,6	1584,4	2250,5	3432,8
Khai thác	728,5	1195,3	1660,9	1995,4
Nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1437,4

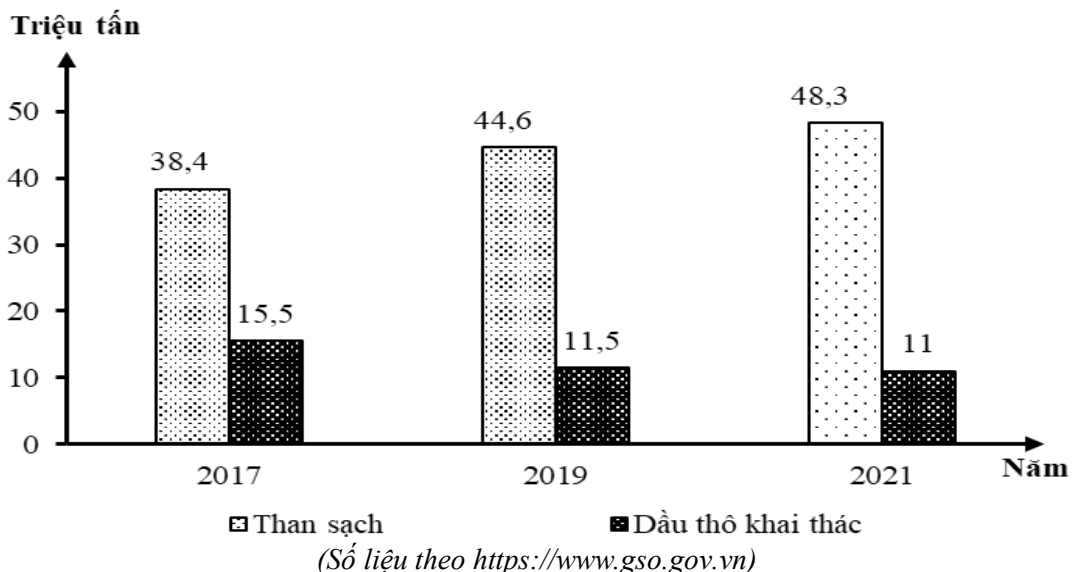
Nhận xét nào sau đây **chưa** chính xác ?

- A. Tốc độ tăng của nuôi trồng nhanh gấp hơn 2 lần tốc độ tăng của cả ngành.
- B. Sản lượng thủy sản giai đoạn 2000 - 2005 tăng nhanh hơn giai đoạn 1990 - 1995
- C. Nuôi trồng tăng gần 8,9 lần trong khi khai thác chỉ tăng hơn 2,7 lần.
- D. Sản lượng thủy sản tăng nhanh, tăng liên tục và tăng toàn diện.

**Câu 13.** Nguyên nhân làm cho quá trình đô thị hóa nước ta hiện nay phát triển nhanh là

- A. Nước ta thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài
- B. Nước ta đang hội nhập với quốc tế và khu vực
- C. Quá trình công nghiệp hóa đang được đẩy mạnh
- D. Nền kinh tế nước ta đang chuyển sang kinh tế thị trường

**Câu 14.** Cho biểu đồ về sản lượng than sạch và dầu thô khai thác của nước ta qua các năm 2017, 2019 và 2021



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.
- C. Cơ cấu sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.
- D. Quy mô sản lượng than sạch và dầu thô khai thác.

**Câu 15.** Cây trồng nào sau đây thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm ở nước ta?

- A. Đậu tương.
- B. Cao su.
- C. Cà phê.
- D. Hồ tiêu.

**Câu 16.** Phát biểu nào sau đây **đúng** với nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Nhiều kinh nghiệm trong công nghiệp.
- B. Phân bố tập trung ở khu vực miền núi.
- C. Chủ yếu là lao động có trình độ cao.
- D. Chất lượng lao động ngày càng tăng.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản khai thác cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long ?

- A. Sóc Trăng.                      B. Cà Mau.                      C. Bạc Liêu.                      D. Kiên Giang.

**Câu 18.** Diện tích nước ta là 331 212 km<sup>2</sup>, dân số là 84156 nghìn người (năm 2006). Mật độ dân số trung bình của nước ta là

- A. 252 người/km<sup>2</sup>.                      B. 254 người/km<sup>2</sup>.                      C. 251 người/km<sup>2</sup>.                      D. 253 người /km<sup>2</sup>.

**Câu 19.** Quá trình đô thị hóa của nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Trình độ đô thị hóa còn thấp.                      B. Tỷ lệ dân thành thị tăng lên.  
C. Phân bố các đô thị không đều.                      D. Có nhiều đô thị có quy mô lớn.

**Câu 20.** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nhận xét nào **đúng** về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước phân theo nhóm ngành?

- A. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến giảm.  
B. Giá trị sản xuất công nghiệp cả nước năm 2007 so với năm 2000 ổn định.  
C. Tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác giảm.  
D. Tỷ trọng ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước tăng.

**Câu 21.** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Nông nghiệp, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính theo đầu người đạt trên 50 kg/người?

- A. Sơn La.                      B. Lai Châu.                      C. Yên Bái.                      D. Lào Cai.

**Câu 22.** Ngành nào sau đây **không phải** là ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm?

- A. Chế biến sản phẩm chăn nuôi.                      B. Chế biến lâm sản.  
C. Chế biến thủy, hải sản.                      D. Chế biến sản phẩm trồng trọt.

**Câu 23.** Vùng nào sau đây có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.                      B. Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Hồng.                      D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 24.** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trong các trung tâm kinh tế sau đây, trung tâm nào có quy mô lớn nhất?

- A. Thái Nguyên.                      B. Hải Dương.                      C. Bắc Ninh.                      D. Hải Phòng.

**Câu 25.** Thành phần kinh tế nào sau đây vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc quản lý các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt của đất nước?

- A. Kinh tế nhà nước.                      B. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.  
C. Kinh tế tập thể.                      D. Kinh tế tư nhân.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thành tựu của công cuộc Đổi mới ở nước ta hiện nay?

- A. Tăng trưởng kinh tế khá cao.                      B. Lạm phát được kiểm soát tốt.  
C. Cơ cấu kinh tế chuyển biến.                      D. Mức sống của dân cư rất cao.

**Câu 27.** Cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

- A. Hình thành các ngành kinh tế trọng điểm.  
B. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.  
C. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến.  
D. Phát triển các điểm công nghiệp.

**Câu 28.** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy điện nào sau đây là nhà máy nhiệt điện?

- A. Thác Bà.                      B. Hòa Bình.                      C. Tuyên Quang.                      D. Phả Lại.

**Câu 29.** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trong các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm sau đây, trung tâm nào có số lượng các ngành chế biến nhiều nhất?

- A. Bảo Lộc.                      B. Tây Ninh.                      C. TP Hồ Chí Minh.                      D. Phan Thiết.
-

**Câu 30.** Vùng chiếm tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất ở nước ta là:

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

----- HẾT -----

*Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam*

**SỞ GD & ĐT KON TUM**  
**TRƯỜNG THPT LÊ LỢI**

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÝ - LỚP: 12**

*(Bản Hướng dẫn gồm 01 trang)*

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

Mỗi câu đúng được 0,33 điểm, điểm toàn bài là 10 điểm

**II. ĐÁP ÁN:**

Câu	Mã đề							
	121	122	123	124	125	126	127	128
1	C	D	C	D	A	D	C	C
2	A	D	D	A	C	D	D	B
3	C	A	C	C	B	B	D	B
4	B	C	D	D	D	D	D	A
5	C	B	B	C	A	D	A	A
6	C	A	C	C	B	D	B	B
7	C	D	B	C	C	C	D	C
8	C	D	A	C	C	A	B	B
9	B	D	D	D	D	D	C	B
10	D	B	D	C	A	A	A	A
11	B	D	C	D	D	B	C	B
12	C	B	B	A	A	D	A	D
13	C	C	B	C	B	D	D	A
14	A	D	A	D	B	D	A	A
15	A	A	A	C	D	A	B	B
16	B	D	A	C	C	C	C	D
17	C	D	C	C	A	A	B	C
18	C	B	B	D	C	A	D	D
19	C	D	A	D	D	B	D	A
20	B	C	B	B	D	C	C	C
21	A	D	A	B	A	B	C	C
22	B	B	C	B	C	C	A	C
23	B	D	A	D	B	A	B	A
24	C	D	A	C	B	A	C	C
25	C	A	A	C	C	C	B	A
26	D	D	D	B	C	C	D	C
27	B	B	B	A	B	C	B	A
28	B	D	B	A	A	B	B	D
29	C	C	A	A	C	B	C	D
30	A	D	A	C	C	C	D	D

----- Hết -----

